TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 4 – 2023
V/v ly hôn Đằng – Phụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Ông Trương Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1992 nơi cư trú: Tổ G, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Bích P, sinh năm 1993 nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 31/8/2022 và lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Phi Đ trình bày: Ông và bà Lê Bích P qua tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có

đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 12 tháng 3 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, bà P bỏ nhà đi nhưng không cho ông biết đi đâu, không quan tâm đến các con. Bà P đã bỏ nhà đi, ông không liên lạc được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trong, ông xin ly hôn bà P.

Ông và bà P có 02 con chung Nguyễn Đăng K, sinh năm 2013 và Nguyễn Hải B, sinh năm 2019 ông đang nuôi dưỡng, ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà P có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Bị đơn bà Lê Bích P vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt khi hòa giải, xét xử là vi phạm quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho ông Nguyễn Phi Đ được ly hôn bà Lê Bích P. Ông Đ và bà P có 02 con chung giao cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu nên không buộc bà P phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ và bà P có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: ông Đ và bà P tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân xã P cấp ngày 12/3/2013 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Ông Đ cho rằng vợ chồng có cự cãi thì bà P bỏ nhà đi từ năm 2021 đến nay, không trở về gia đình, để lại 02 con cho ông nuôi dưỡng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, ông Đ xin ly hôn bà P.

Qua xác minh, thì địa phương cho biết: Ông Đ và bà P có nơi cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, An Giang. Về mâu thuẫn vợ chồng ông Đ, bà P địa phương không biết.

Ông Đ và bà P là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Ông Đ và bà P xảy ra mâu thuẫn thì bà P bỏ nhà từ năm 2021 không trở về để cùng ông Đ chăm lo gia đình. Ông Đ và bà P ly thân thời gian dài nhưng không có thiện chí hàn gắn với nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho ông Đ ly hôn với bà P.

[2.2] Về nuôi con chung:

Ông Đ và bà P có 02 con chung Nguyễn Đăng K, sinh năm 2013 và Nguyễn Hải B, sinh năm 2019 ông Đ đang nuôi đưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân năm 2021 đến nay ông Đ là người trực tiếp nuôi con, để ổn định cuộc sống của trẻ nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng.Ông Đ không yêu cầu nên không buộc bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu chia, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi Đ.

Ông Nguyễn Phi Đ được ly hôn bà Lê Bích P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 12/3/2013 do Ủy ban nhân dân xã P cấp cho ông Đ và bà P không còn giá trị pháp lý.

Ông Đ và bà P có 02 con chung Nguyễn Đăng K, sinh năm 2013 và Nguyễn Hải B, sinh năm 2019 đang sống với ông Đ. Giao hai con chung cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu nên không buộc bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện bà P đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở bà P thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Ông Đ và bà P không có yêu cầu chia tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005673 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Đ không còn phải nộp thêm án phí

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn